TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – LÂM ĐỒNG** **----------** **Số: 33/2019/DS-ST**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------** *B, ngày 08 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồng có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Xuân Quý**
2. Bà **Phan Thị Hà**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **08** tháng **10** năm **2019**, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 155/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Vợ chồng ông **Nguyễn Hữu Hiền H**, sinh năm: 1979
và bà **Lâm Thị T**, sinh năm: 1982
Địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**** Bị đơn*:** Ông **Nguyễn Văn A**, sinh năm: 1968
Địa chỉ cư trú: Thôn Hang Ka, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

Xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*".

QUYẾT ĐỊNH

1. *Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:*

Ông Nguyễn Văn A phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu Hiền H, bà Lâm Thị T tổng số tiền là **112.641.000đ** (*Một trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi mốt ngàn đồng*). Trong đó: Tiền gốc là 82.220.000đ; Tiền lãi là 30.421.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

Ông Nguyễn Văn A phải chịu **5.632.000đ** (*Năm triệu sáu trăm ba mươi hai ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Nguyễn Hữu Hiền H, bà Lâm Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Vợ chồng ông Nguyễn Hữu Hiền H, bà Lâm Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là **2.055.500đ** (*Hai triệu không trăm năm mươi năm ngàn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số AA /2016/0013074 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2- Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày công bố và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường